

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/HSST

Ngày: 22/10/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Ngô Thế Tương

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Bà : Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2020/TLST – HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo :

1. Nguyễn Đồng Thế A, sinh ngày 20/01/1987

Nơi cư trú: thôn V, xã D, huyện T, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Đồng H1 (đã chết) con bà Hoàng Thị C, sinh năm 1950, có vợ là Bùi Thị T1, sinh năm 1989 (đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009. Đều trú tại thôn V, xã D, huyện T, tỉnh B.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 6/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/5/2020 đến ngày 20/5/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

2. Phùng Công V, sinh ngày 20/02/1988

Nơi cư trú: thôn Đ, xã V, TP B, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phùng Công Đ, sinh năm 1960 con bà Vũ Thị H2, sinh năm 1960, vợ là Lê Thị T2, sinh năm 1990, bị cáo 02 con, con lớn sinh năm 2012 con nhỏ sinh năm 2016. Điều trú tại thôn Đ, xã V, TP B, tỉnh B.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/5/2020 đến ngày 20/5/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

3. Hoàng Trung D, sinh ngày 25/5/1994

Nơi cư trú: thôn V, xã D, huyện T, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Bố đẻ (chưa xác định) con bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1964, có vợ là Lê Thị Diệu Q, sinh năm 1995, có 01 con sinh năm 2020. Điều trú tại thôn V, xã D, huyện T, tỉnh B.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Năm 2014 bị Công an TP Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích (đã thi hành xong). Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/5/2020 đến ngày 20/5/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

4. Bùi Đức L, sinh ngày 18/8/1994

Nơi cư trú: thôn N, xã D, huyện T, tỉnh B

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bùi Đức Đ1, sinh năm 1966, con bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1971, có vợ là Lê Thị Lan H4, sinh năm 2000, có 01 con sinh năm 2019. Điều trú tại thôn N, xã D, huyện T, tỉnh B

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Năm 2014 bị Công an huyện Thái Thụy xử phạt vi phạm hành

chính về hành vi Cố ý gây thương tích (đã thi hành xong). Bản án số 106A ngày 26/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 04 tháng tù về tội đánh bạc, ngày 30/9/2017 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương, ngày 19/12/2017 chấp hành xong phần án phí, ngày 08/5/2020 chấp hành xong nộp phạt. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/5/2020 đến ngày 20/5/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

5. Vũ Đăng Đ2, sinh ngày 25/5/1987

Nơi cư trú: thôn C, xã A, huyện T, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vũ Tiến Đ3, sinh năm 1961 con bà Lê Thị N, sinh năm 1963, có vợ là Bùi Thị L1, sinh năm 1992, có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017. Điều trú tại thôn C, xã A, huyện T, tỉnh B.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/5/2020 đến ngày 20/5/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

6. Nguyễn Bá T4, sinh ngày 13/02/1993

Nơi cư trú: SN A, tổ B, phường L, TP B, tỉnh B

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Bá T5, sinh năm 1973 con bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1974. Điều trú tại SN A, tổ B, phường L, TP B, tỉnh B, bị cáo chưa có vợ con

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/5/2020 đến ngày 20/5/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

7. Lê Văn T6, sinh ngày 02/7/1994

Nơi cư trú: SN C, khu D, phường H, thị xã Q, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn C, sinh năm 1966 con bà Vũ Thị M, sinh năm 1967. Điều trú tại SN C, khu D, phường H, thị xã Q, tỉnh N, bị cáo chưa có vợ con

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/5/2020 đến ngày 20/5/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

8. Phan Văn D, sinh ngày 07/9/1994

Nơi cư trú: thôn N, xã D, huyện T, tỉnh B

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phan Văn D, sinh năm 1973, con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975. Điều trú tại thôn N, xã D, huyện T, tỉnh B, bị cáo chưa có vợ con

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/5/2020 đến ngày 20/5/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

9. Hoàng Xuân H5, sinh ngày 06/10/2000.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh B

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Bố đẻ (chưa xác định), con bà Hoàng Thị R, sinh năm 1959. Điều trú tại thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh B, bị cáo chưa có vợ con

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/5/2020 đến ngày 20/5/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

(Các bị cáo đều có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Chị: Lê Thị Lan H6, sinh năm 2000

(Có mặt)

Nơi cư trú: thôn N, xã D, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 11/5/2020, Phan Văn D điều khiển xe ô tô chở Phùng Công V, Nguyễn Bá T4 và Lê Văn T6 từ TP Thái Bình về nhà D ở thôn N, xã D, huyện Ty, tỉnh B chơi, trên đường đi D nói với mọi người là có bạn là Bùi Đức L ở gần nhà mới mở quán bi a và rủ mọi người vào chơi, T4, V, T6 và D bàn bạc, thống nhất cùng góp tiền để Vĩnh trực tiếp chơi bi a được thua bằng tiền tại quán của L, T6 ứng tiền ra trước cho mọi người để V đánh bi a. Tại quán bi a của L, Hoàng Trung D cùng nhóm của Phan Văn D, V, T4 và T6 rủ nhau đánh bạc được thu bằng tiền, nhóm của Phan Văn D cử V trực tiếp đánh bạc với Hoàng Trung D. D và V đánh bạc được một lúc thì Nguyễn Đồng Thế A cùng Hoàng Xuân H5 và Vũ Đăng Đ2 đến, H5, Đ và Thế A cùng nhau góp tiền chung để Thế A trực tiếp chơi với D và V. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, trong lúc các đối tượng đang đánh bạc thì bị Cơ quan điều tra công an huyện Thái Thụy phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền 22.500.000 đồng là tiền là các đối tượng sử dụng để đánh bạc. Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 65/CT- VKSTT ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo Nguyễn Đồng Thế A, Phùng Công V, Hoàng Trung D, Bùi Đức L, Vũ Đăng Đ2, Nguyễn Bá T4, Lê Văn T6, Phan Văn D và Hoàng Xuân H5 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã xác định. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường; Biên bản tạm giữ đồ vật và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Lan H4 (vợ bị cáo L) trình bày: Bản thân gia đình rất khó khăn, không có công việc làm, con còn nhỏ nên chị và bị cáo L đi vay tiền mua một bộ bàn bi a để cho khách đến chơi kiếm thêm thu nhập, chị xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, chị không biết các bị cáo đến quán bi a chơi đánh bạc, chị đề nghị xin lại chiếc bàn bi a mà cơ quan điều tra đã thu giữ.

Luận tội của Kiểm sát viên: Vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố với các bị cáo về tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đồng Thế A, Phùng Công V, Hoàng Trung D, Bùi Đức L, Vũ Đăng Đ2, Nguyễn Bá T4, Lê Văn T6, Phan Văn D và Hoàng Xuân H5 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, Điều 17, Điều 35, Điều 50, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Đồng Thế A, Phùng Công V, Hoàng Trung D và Vũ Đăng Đ2 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, phạt bổ sung từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Bá T4, Lê Văn T6, Phan Văn D từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Xuân H5 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, nộp vào ngân sách nhà nước. Giao các bị cáo trên cho UBND xã, phường nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 54 Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Đức L từ 04 tháng đến dưới 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi 09 ngày tạm giữ, phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, nộp vào ngân sách nhà nước.

Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 22.500.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 52 quân bài lơ khơ.

Đề nghị trả lại bị cáo Đ2 số tiền 1.600.000 đồng, trả lại bị cáo T6 7.200.000 đồng, trả lại bị cáo T4 3.500.000 đồng nhưng tạm quản lý để đảm bảo thi hành án. Trả lại bị cáo L 01 bàn bi a, 03 gậy bi a, 16 bóng bi a và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, việc đưa bị cáo ra xét xử về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về các vấn đề khác.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo để cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3]. Như vậy đủ căn cứ để xác định: Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 11/5/2020, tại quán bi a của Bùi Đức L ở thôn N, xã D, huyện T, tỉnh B, Nguyễn Đồng Thê A, Phùng Công V, Hoàng Trung D, Bùi Đức L, Vũ Đăng Đ2, Nguyễn Bá T4, Lê Văn T6, Phan Văn D và Hoàng Xuân H5 đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi bi a bài lá, đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Công an huyện Thái Thụy vào bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 22.500.000 đồng và 01 bàn bi a, 03 gậy bi a, 16 bóng bi a, 52 quân bài lơ khơ là tiền và dụng cụ đánh bạc. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc sát phạt lẫn nhau bằng tiền, tạo thu nhập bất hợp pháp, thực hiện với lỗi cố ý, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 22.500.000 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 321. Tội Đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến

100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

[4]. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau không có sự phân công, phân nhiệm một cách cụ thể rõ ràng.

Các bị cáo V, Hoàng Trung D, Thế A là người trực tiếp đánh bạc, bị cáo Đ2 đánh bạc với số tiền lớn nhất nên các bị cáo trên giữ vai trò cao nhất trong vụ án, bị cáo Phan D, T4 và T6 đánh bạc với số tiền 2.500.000 đồng nên giữ vai trò cao thứ hai, bị cáo H5 đánh bạc với số tiền thấp nhất, bị cáo L tuy không đánh bạc nhưng biết việc các bị cáo đánh bạc tại quán bi a của mình nên đã đồng phạm với vai trò giúp sức nên giữ vai trò thấp nhất trong vụ án

[5]. Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Do đó cần phải quyết định một hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm cho hành vi phạm tội của các bị cáo. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo Thế A, V, Hoàng Trung D, Đ2, T4, T6, Phan Văn D và H5 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Thế A, V, Hoàng Trung D, Đ2, T4, T6, Phan Văn D và H5 đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, xét thấy không cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội vì các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, để các bị cáo nhận ra lỗi lầm đã phạm phải để phấn đấu trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Bị cáo L là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội đánh bạc, tuy đã được xóa án tích nhưng xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền số tiền phạt bổ sung trước khi mở phiên tòa, có ông là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến, vì vậy cần giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội

[6]. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để răn đe các bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Để đảm bảo việc các bị cáo thi hành án nên cần áp dụng dưới khung hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra đã quản lý thu giữ vật chứng gồm: Số tiền 22.500.000 đồng thu trên chiếu bạc, đây là tiền thực hiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; 52 quân bài tú lơ khơ là công cụ các bị cáo thực hiện đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra cơ quan điều tra quản lý của Vũ Đăng Đ2 số tiền 1.600.000 đồng, quản lý của Lê Văn T6 số tiền 7.200.000 đồng, quản lý của Nguyễn Bá T4 số tiền 3.500.000 đồng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền này không dùng vào việc đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo Đ, T4 và T6.

Đối với chiếc bàn bi a, 03 gậy bi a, 16 bóng bi a mà cơ quan điều tra đã quản lý của bị cáo L, xét thấy đây là tài sản chung của bị cáo L và vợ là Lê Thị Lan H4 nên cần tuyên trả lại cho bị cáo L và chị H4

[8]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đồng Thế A, Phùng Công V, Hoàng Trung D, Bùi Đức L, Vũ Đăng Đ2, Nguyễn Bá T4, Lê Văn T6, Phan Văn D và Hoàng Xuân H5 phạm tội "Đánh bạc"

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, Điều 17, Điều 35, Điều 50, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đồng Thế A, Phùng Công V, Hoàng Trung D, Vũ Đăng Đ2, Nguyễn Bá T4, Lê Văn T6, Phan Văn D và Hoàng Xuân H5

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đồng Thế A 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Trung D 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Đồng Thế A và Hoàng Trung D cho UBND xã D, huyện T, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo Vũ Đăng Đ2 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Đăng Đ2 cho UBND xã A, huyện T, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo Phùng Công V 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Phùng Công V cho UBND xã C, TP B, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T4 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Bá T4 cho UBND phường L, TP B, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T6 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Lê Văn T6 cho UBND phường H, thị xã Y, tỉnh N giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo Phan Văn D 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Phan Văn D cho UBND xã D, huyện T, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân H5 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Hoàng Xuân H5 cho UBND xã D, huyện T, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 54 Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Bùi Đức L 04 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi 09 ngày tạm giữ.

Phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (đối với các bị cáo Thế A, Văn D, Trung D, Đ, H), trong phạm vi TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình (đối với bị cáo V, T4), trong phạm vi thị xã Y, tỉnh Q (đối với bị cáo T6) thì Ủy ban nhân dân cấp xã, phường có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, thị xã, thành phố để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện T, tỉnh B (đối với các bị cáo Thế A, Văn D, Trung D, Đ2, H5), trong phạm vi ngoài TP B, tỉnh B (đối với bị cáo V, T4), trong phạm vi ngoài thị xã Y, tỉnh Q (đối với bị cáo T6) thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, thị xã, thành phố nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 22.500.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ.

Trả lại bị cáo Lê Văn T6 7.200.000 đồng, trả lại bị cáo Nguyễn Bá T 3.500.000 đồng, Trả lại bị cáo Vũ Đăng Đ2 1.600.000 đồng, nhưng tạm quản lý để đảm bảo thi hành án

Trả lại bị cáo Bùi Đức L và chị Lê Thị Lan H4 (vợ bị cáo L) 01 bàn bi a, 03 gậy bi a, 16 bóng bi a. (Tất cả vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 07/8/2020)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; NQ 326/2016/UBTVQH 14 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đồng Thế A, Phùng Công V, Hoàng Trung D, Bùi Đức L, Vũ Đăng Đ2, Nguyễn Bá T4, Lê Văn T6, Phan Văn D và Hoàng Xuân H5 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm .

5. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND huyện Thái Thụy
- Công an huyện Thái Thụy
- Chi cục THA huyện Thái Thụy
- TAND tỉnh Thái Bình
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Các bị cáo
- UBND xã D, xã A
- xã C, phường L
- phường H
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương